

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 313 | Ngày: 29/05/2026 21:46

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: KIỀU QUỐC KIỆT

Doanh thu: 4.269.000 đ

Tiền mặt: 916.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 2.853.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 60.000 đ

Doanh thu cả ngày: 8.538.000 đ

Tiền mặt cả ngày: 1.832.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 5.706.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 120.000 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 3.00 Cái    | 0.77 Cây    | 2.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 264.00 gram | 0.47 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 612.00 gram | 0.39 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 278.00 gram | 0.72 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng  | 184.00 gram | 0.08 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Cà Phê        | 198.00 gram | 1.80 túi    | 0.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Đào Ngâm             | 500.00 gram | 0.39 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Mút đào              | 254.00 gram | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Hồng Trà             | 56.00 gram  | 0.91 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Soda                 | 7.00 lon    | 5.00 Lon    | 6.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Bạc Hà         | 363.00 ml   | 0.28 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Syrup Lựu Đỏ         | 423.00 ml   | 0.40 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mút Chanh Dây        | 315.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mút Kiwi             | 813.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mút Mãng Cầu         | 601.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mút Việt Quất        | 732.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Mút Xoài             | 320.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Sữa Tươi Không Đường | 1913.00 ml  | 1.09 Hộp    | 3.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Curacao        | 538.00 ml   | 0.26 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Syrup Đào            | 1056.00 ml  | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                         | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|-----------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Mứt ổi hồng                 | 549.00 gram  | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Trà Ô Long                  | 5.00 gram    | 0.99 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Nước suối                   | 9.00 chai    | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Trà Ô Long Đào              | 110.00 gram  | 0.82 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Sốt Matcha                  | 219.00 ml    | 0.65 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Sốt Caramel                 | 237.00 ml    | 0.62 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Sốt Chocolate               | 22.00 ml     | 0.97 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Syrup Táo                   | 914.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bột Kem Muối                | 189.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Bánh Tuổi Thơ Vị Dừa - Tròn | 1.00 Hộp     | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Bánh Tuổi Thơ Vị Dừa - Dài  | 2.00 Hộp     | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Bia Heineken bạc            | 11.00 Lon    | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Bia Heineken xanh           | 19.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Cam                         | 5383.00 gram | 0.00 Kg     | 4.40 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Cà Rốt                    | 2302.00 gram | 0.70 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Chanh Vàng                | 930.00 gram  | 0.00 Kg     | 823.00 Kg       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Dưa Hấu                   | 2857.00      | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Pepsi                     | 8.00 lon     | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Trà dưỡng tâm             | 2.00 Gói     | 8.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Trà dưỡng nhan            | 14.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Vải Ngâm                  | 16.00 Trái   | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Đậu Phộng Tỏi Ớt          | 36.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 37.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Hương Dương               | 12.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45  | Bánh Sữa Lớn              | 15.00 Bịch   | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 46  | Bột Matcha                | 459.00 gram  | 0.08 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 47  | Trà lài                   | 70.00 Gram   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 48  | Rich lùn                  | 404.00 ml    | 0.00 hộp    | 433.00 hộp      | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....